

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5167 /CTHN-TTHT  
V/v kê khai, nộp thuế đối với  
thu nhập nhận được từ cung  
cấp dịch vụ trực tuyến

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2021

Kính gửi: Ông/Bà Trần Thị Thanh Tú

Địa chỉ: Số nhà 36, ngõ 187 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

Trả lời công văn đề ngày 4/12/2020 của Ông/Bà Trần Thị Thanh Tú hỏi về chính sách thuế đối với thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất video chia sẻ trên mạng xã hội, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế 71/2014/QH13 và Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế:

+ Tại Điều 1 hướng dẫn về người nộp thuế như sau:

“Điều 1. Người nộp thuế

1. Người nộp thuế theo hướng dẫn tại Chương I Thông tư này là cá nhân cư trú bao gồm cá nhân, nhóm cá nhân và hộ gia đình có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc tất cả các lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là cá nhân kinh doanh). Lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh bao gồm cả một số trường hợp sau:

a) Hành nghề độc lập trong những lĩnh vực, ngành nghề được cấp giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật.

b) Làm đại lý bán đúng giá đối với đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, bán hàng đa cấp của cá nhân trực tiếp ký hợp đồng với công ty xổ số kiến thiết, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

c) Hợp tác kinh doanh với tổ chức.

d) Sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản không đáp ứng điều kiện được miễn thuế hướng dẫn tại điểm e, khoản 1, Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

2. Người nộp thuế nêu tại khoản 1 Điều này không bao gồm cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống.”



+ Tại tiết b khoản 2 Điều 2 hướng dẫn như sau:

“...

b) Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu

b.1) Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu gồm tỷ lệ thuế giá trị gia tăng và tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân áp dụng đối với từng lĩnh vực ngành nghề như sau:

- Phân phối, cung cấp hàng hóa: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 1%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 0,5%.

- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 5%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 2%.

- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 3%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 1,5%.

- Hoạt động kinh doanh khác: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 2%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 1%.

b.2) Chi tiết danh mục ngành nghề để áp dụng tỷ lệ thuế giá trị gia tăng, tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm Thông tư này.”

+ Tại Điều 3 hướng dẫn về phương pháp tính thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh như sau:

“Điều 3. Phương pháp tính thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh

1. Nguyên tắc áp dụng

a) Cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh gồm: cá nhân cư trú có phát sinh doanh thu kinh doanh ngoài lãnh thổ Việt Nam; cá nhân kinh doanh không thường xuyên và không có địa điểm kinh doanh cố định; cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức theo hình thức xác định được doanh thu kinh doanh của cá nhân.

...

b) Đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh thì mức doanh thu 100 triệu đồng/năm trở xuống để xác định cá nhân không phải nộp thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân là tổng doanh thu từ kinh doanh trong năm dương lịch.

...

2. Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế đối với cá nhân nộp thuế theo từng lần phát sinh là doanh thu tính thuế và tỷ lệ thuế tính trên doanh thu.

a) Doanh thu tính thuế

a.1) Doanh thu tính thuế giá trị gia tăng và doanh thu tính thuế thu nhập cá nhân là doanh thu bao gồm thuế (trường hợp thuộc diện chịu thuế) của toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng dịch vụ được xác định theo hợp đồng bán hàng, gia công, hoa hồng, dịch vụ bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội; các khoản bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng (đối với doanh thu tính thuế thu nhập cá nhân) mà cá nhân kinh doanh được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Doanh thu tính thuế trong một số trường hợp như sau:

...

b) Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu

Tỷ lệ thuế giá trị gia tăng, tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nộp thuế từng lần phát sinh áp dụng như đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

c) Xác định số thuế phải nộp

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \frac{\text{Doanh thu tính thuế GTGT}}{\text{GTGT}} \times \text{Tỷ lệ thuế GTGT}$$

$$\text{Số thuế TNCN phải nộp} = \frac{\text{Doanh thu tính thuế TNCN}}{\text{TNCN}} \times \text{Tỷ lệ thuế TNCN}$$

Trong đó:

- Doanh thu tính thuế giá trị gia tăng và doanh thu tính thuế thu nhập cá nhân theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều này

- Tỷ lệ thuế giá trị gia tăng và tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều này."

+ Tại Điều 7 hướng dẫn về khai thuế, nộp thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp theo từng lần phát sinh như sau:

"1. Nguyên tắc khai thuế

a) Cá nhân nộp thuế từng lần phát sinh khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân theo từng lần phát sinh nếu có tổng doanh thu kinh doanh trong năm dương lịch trên 100 triệu đồng.

...

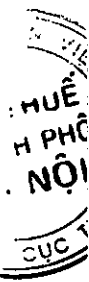
2. Hồ sơ khai thuế

Hồ sơ khai thuế đối với cá nhân nộp thuế theo từng lần phát sinh gồm:

- Tờ khai theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư này.
- Bản chụp hợp đồng kinh tế cung cấp hàng hóa, dịch vụ;
- Bản chụp biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng;

...

3. Nơi nộp hồ sơ khai thuế



- Cá nhân nộp thuế theo từng lần phát sinh nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi thường trú hoặc tạm trú).

...

#### 4. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh chậm nhất là ngày thứ 30 (ba mươi) của quý tiếp theo quý phát sinh doanh thu tính thuế.

#### 5. Thời hạn nộp thuế

Thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.”

+ Tại Phụ lục 01 – Danh mục ngành nghề tính thuế GTGT, TNCN hướng dẫn xác định theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với cá nhân ban hành kèm theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định như sau:

#### “Điều 9. Thuế suất 0%

1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

...”

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC như sau:

“2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% gồm:

...

- Các dịch vụ sau cung ứng tại Việt Nam cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài không được áp dụng thuế suất 0% gồm:

+ Thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, văn hóa, giải trí, hội nghị, khách sạn, đào tạo, quảng cáo, du lịch lữ hành;

+ Dịch vụ thanh toán qua mạng;

+ Dịch vụ cung cấp gắn với việc bán, phân phối, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa tại Việt Nam.”

Căn cứ quy định trên và trình bày của Ông/Bà tại công văn hỏi, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Trường hợp cá nhân cung ứng dịch vụ tại Việt Nam cho Google Asia Pacific Pte.Ltd (trụ sở tại Singapore) và nhận được thu nhập từ hoạt động cung ứng dịch vụ này thì không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu các dịch vụ cung ứng thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 nêu trên.

- Trường hợp cá nhân phát sinh doanh thu từ hoạt động kinh doanh thì cá nhân có trách nhiệm kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân theo quy định (trừ trường hợp cá nhân có tổng doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống).

- Tỷ lệ thuế giá trị gia tăng, tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân áp dụng theo tỷ lệ hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính, chi tiết danh mục ngành nghề để áp dụng tỷ lệ thuế giá trị gia tăng, tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm Thông tư 92/2015/TT-BTC nêu trên.

Liên quan đến nội dung vướng mắc của Ông/Bà, Cục Thuế TP Hà Nội cũng đã có văn bản báo cáo, xin ý kiến của Tổng cục Thuế. Trường hợp Tổng cục Thuế có hướng dẫn khác, Cục Thuế TP Hà Nội sẽ có văn bản hướng dẫn Ông/Bà thực hiện.

Đề nghị Ông/Bà Trần Thị Thanh Tú căn cứ các hướng dẫn nêu trên và thực tế hoạt động kinh doanh để thực hiện theo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu còn vướng mắc, Ông/Bà liên hệ Chi cục Thuế nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú) để được hướng dẫn cụ thể hoặc Ông/Bà có thể truy cập website <http://hanoi.gdt.gov.vn> để tham khảo nội dung hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời Ông/Bà Trần Thị Thanh Tú được biết để thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng NVDTPC;
- Phòng KK-KTT;
- CCT Quận Cầu Giấy;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT(2) ( 8, 3 )



Nguyễn Tiến Trường